

Thứ sáu, ngày 21 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh giảm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/2/2020		●	
Tuần 24/2-28/2/2020		●	
Tháng 2/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index tăng điểm nhẹ nhờ một số mã bluechips hồi phục trở lại như VNM, MSN. Đến phiên chiều, chỉ số đã không duy trì được vận động trên mốc tham chiếu và đã quay đầu giảm điểm. Độ rộng thị trường gần như nghiêng hoàn toàn về phía bên bán với 222 mã giảm giá. Thanh khoản thị trường trong phiên hôm nay vẫn duy trì ổn định cho thấy chưa có sự đột biến lớn trong xu hướng chung. Trong khi đó, TTCK trong khu vực đa số ở trong sắc đỏ phần nào do ảnh hưởng của sự giảm điểm của thị trường Mỹ phiên Thứ Năm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/2/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao tăng.

Danh mục i-Invest: Theme_Hàng tiêu dùng_ 0.9%. 9/21 danh mục

Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Hàng tiêu dùng** - có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là -0.5%

Phân tích kỹ thuật: TIG_Bứt phá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.04 điểm**, đóng cửa 933.09. HNX-Index **-1.49 điểm**, đóng cửa 108.09.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.09); MSN (+0.68); BVH (+0.22); VPB (+0.18); SAB (+0.11)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-2.05); CTG (-1.10); VHM (-0.76); VCB (-0.54); TCB (-0.40)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,154 tỷ đồng**, **+12.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.21 điểm. Thị trường có 130 mã tăng, 62 mã tham chiếu 222 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **117.29 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm E1VFN30 (-50.34 tỷ), BID (-40.09 tỷ) và PVD (-15.49 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **4.93 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

933.09

Giá trị: 3154.35 tỷ

-5.04 (-0.54%)

Khối ngoại (ròng): -117.29 tỷ

HNX-INDEX

108.09

Giá trị: 385.44 tỷ

-1.48 (-1.35%)

Khối ngoại (ròng): -4.93 tỷ

UPCOM-INDEX

56.30

Giá trị: 0.28 tỷ

-0.04 (-0.07%)

Khối ngoại (ròng): -10.85 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.1	-1.37%
Giá vàng	1,634	0.90%
Tỷ giá USD/VND	23,246	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,083	-0.07%
Tỷ giá JPY/VND	20,803	0.38%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	3.94%
LS TPCP 5 năm	1.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	13.3	E1VFN30	-50.3
VIC	11.2	BID	-40.1
HPG	9.3	PVD	-15.5
VRE	6.4	PC1	-12.2
BMP	5.2	CTG	-8.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Hàng tiêu dùng** - có tiềm năng tăng trưởng hấp dẫn và tính phòng thủ cao - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là -0.5%

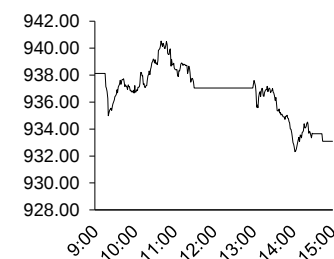
* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **6/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **2/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH

21/2/2020

Vietnam Daily Review

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Hàng tiêu dùng	0.9%	2.1%	-2.1%	-10.7%	-12.9%	-6.1%	42.8%	17.5%
FTSE Việt Nam	0.1%	-0.2%	-5.3%	-7.8%	-6.4%	-5.3%	74.5%	14.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	-0.1%	-5.2%	-9.1%	-7.0%	-5.9%	66.1%	13.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.0%	0.0%	-5.8%	-11.0%	-15.8%	-17.0%	29.0%	21.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	1.6%	-2.2%	-5.2%	-4.0%	1.5%	-1.5%	18.6%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.1%	-1.0%	-4.8%	-9.3%	-9.8%	-3.5%	41.3%	16.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.4%	-0.3%	-3.1%	-6.4%	-4.3%	-2.3%	46.7%	14.6%
Lãi suất giảm	-0.4%	-0.9%	1.9%	-1.4%	-5.5%	-3.1%	44.1%	17.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.5%	0.6%	-2.8%	-4.5%	-1.9%	4.8%	54.9%	15.3%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-0.9%	-3.4%	-9.1%	-16.2%	-7.6%	1.7%	15.6%
Ngành Dược	-0.6%	0.8%	9.0%	0.6%	7.5%	10.0%	39.7%	17.8%
VN FinSelect	-0.7%	-0.1%	3.6%	3.4%	12.2%	8.4%	39.4%	17.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.8%	1.3%	-0.2%	1.8%	6.6%	26.7%	97.2%	19.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.9%	-0.3%	4.2%	5.3%	15.1%	12.2%	46.2%	19.2%
Dầu khí	-0.9%	-1.6%	-6.4%	-17.9%	-18.0%	-14.1%	0.2%	22.8%
VN Diamond	-0.9%	0.7%	0.8%	-0.7%	3.8%	13.3%	61.1%	17.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.9%	0.0%	-1.6%	-3.2%	0.5%	10.6%	62.5%	17.2%
Xây dựng	-1.1%	1.3%	2.4%	-10.1%	-16.3%	-21.1%	-2.4%	18.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.3%	-0.9%	0.3%	-0.4%	-4.9%	3.2%	36.9%	14.5%
Nước & Năng lượng	-1.4%	-0.6%	-2.9%	-10.7%	-10.9%	-7.8%	36.0%	14.5%
Ngân hàng	-1.6%	-0.8%	3.2%	8.2%	18.3%	23.5%	86.3%	21.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 15	0.2%	1.1%	-6.3%	-10.7%	-12.2%	-5.8%	41.9%	18.0%
Danh mục 13	0.1%	0.6%	-2.6%	-5.9%	-4.1%	8.6%	58.3%	15.4%
Danh mục 16	-0.3%	1.4%	-4.4%	-5.9%	-4.8%	13.5%	69.9%	17.7%
Danh mục 18	-0.9%	-0.4%	-5.9%	-1.2%	0.1%	2.5%	94.4%	19.4%
Danh mục 5	-1.1%	0.1%	-5.8%	-7.0%	-7.7%	1.3%	56.8%	18.7%

* Note **6/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.1%	1.1%	0.3%	-0.5%	3.9%	14.4%	57.8%	19.2%
Danh mục 19	-0.3%	-0.1%	-4.6%	-4.5%	-2.2%	10.7%	50.6%	15.3%
Danh mục 21	-0.6%	0.0%	-3.5%	-4.8%	-3.0%	8.2%	50.9%	15.8%
Danh mục 25	-0.8%	1.1%	-4.0%	-3.9%	-3.7%	15.9%	96.4%	16.8%
Danh mục 23	-0.9%	0.9%	-2.2%	-5.5%	-2.6%	4.3%	42.9%	16.8%

* Note **2/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-0.5%	-0.5%	-4.2%	-7.0%	-5.2%	-3.2%	32.6%	15.4%
VN30INDEX	-0.3%	0.3%	-2.6%	-5.7%	-2.9%	-4.3%	31.9%	15.8%

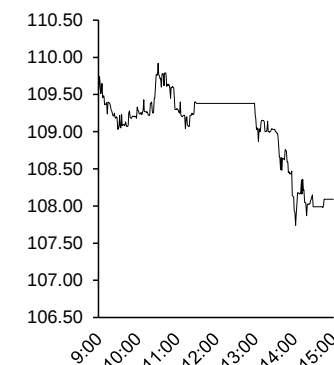
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	-1.7%
Ngân hàng	-1.6%
Tài nguyên Cơ bản	-1.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.1%
Dịch vụ tài chính	-0.9%
Dầu khí	-0.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.7%
Xây dựng và Vật liệu	-0.5%
Bất động sản	-0.5%
Hóa chất	-0.4%
Truyền thông	-0.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.3%
Y tế	-0.2%
Du lịch và Giải trí	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.2%
Bán lẻ	0.2%
Thực phẩm và đồ uống	1.2%
Bảo hiểm	1.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

TIG_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tiệm cận vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: TIG vẫn đang duy trì xu hướng tăng giá kéo dài từ đầu năm ngoái đến nay với xuất phát điểm là vùng giá 2. Hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu tăng kịch trần để chính thức vượt khỏi ngưỡng kháng cự tại mốc 7.2. Các chỉ báo kỹ thuật đều đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI đã tiệm cận vùng quá mua đồng thời cổ phiếu cũng dần tiến sát khu vực cản mạnh ở xung quanh ngưỡng 8.5 nên có thể xuất hiện áp lực chốt lời trong thời gian tới. Nếu động lực tăng được duy trì và TIG có thể phá vỡ vùng cản nêu trên, cổ phiếu có cơ hội tiếp tục chinh phục khu vực trên mệnh giá 10 trong dài hạn.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 21/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 21/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.64	-0.45%	3.83%	-8.06%	-8.62%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	59.06	-0.42%	3.04%	-5.43%	-8.11%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	165.40	-0.94%	4.67%	0.19%	2.11%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1621.58	0.12%	2.37%	4.03%	26.06%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.42	0.29%	3.82%	3.24%	22.16%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	900.75	-0.03%	-0.58%	-3.12%	-7.52%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	559.50	0.04%	2.71%	-3.70%	4.78%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.68	0.12%	-2.57%	-6.08%	5.90%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	189.10	1.34%	3.39%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.94	-0.93%	-0.8%	3.75%	2.68%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	104.95	-3.72%	2.14%	-8.30%	-10.18%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5728.00	-0.73%	-1.07%	-7.01%	-10.22%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3478.00	1.1%	2.75%	-3.95%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1711.00	-0.52%	-2.12%	-6.22%	-10.18%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	671.00	2.13%	7.7%	-1.34%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	67.60	-0.15%	-4.11%	-4.65%	-27.27%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

• Dầu thô Brent tăng 19 US cent, tương đương 0.32%, lên 59.31 USD/thùng. Dầu thô Texas WTI tăng 49 US cent (0.9%) lên 53.78 USD/thùng.

• Giá dầu thô tiếp tục tăng nhẹ trong phiên vừa qua sau khi số liệu của Chính phủ Mỹ cho thấy lượng tồn trữ dầu thô ít hơn dự kiến, nhưng đã tăng giá bị cản trở bởi lo ngại về sự lây lan của dịch bệnh do virus corona gây ra ở bên ngoài Trung Quốc.

Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho biết tồn trữ dầu thô của nước này trong tuần vừa qua chỉ tăng 414,000 thùng, thấp hơn nhiều mức dự đoán là tăng 2.5 triệu thùng. Tồn trữ xăng của nước này giảm khoảng 2 triệu thùng trong tuần tới 14/2, trái với dự đoán là tăng 435,000 thùng. Tuy nhiên, số ca nhiễm Covid-19 tăng ở Hàn Quốc và nước này có trường hợp tử vong đầu tiên do dịch bệnh này gây lo ngại sự lây lan của dịch bệnh ra toàn thế giới.

Giá vàng

• Vàng giao ngay Vàng giao ngay tăng 0.44% lên 1,618.38 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 0.5% lên 1,620.50 USD/ounce.

• Giá vàng cũng tiếp tục tăng lên mức cao nhất trong vòng 7 năm do số ca nhiễm virus corona ở Hàn Quốc gia tăng gây lo ngại về sự lây lan của dịch bệnh. Ngoài Covid-19, các chuyên gia cho rằng một số lý do khác đang hỗ trợ đặc lực cho giá vàng tăng, đó là việc ngân hàng trung ương một số nước giữ lãi suất âm và các vấn đề liên quan đến thuế quan giữa Trung Quốc và Châu Âu.

Giá sắt thép

• Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất trên sàn giao dịch Đại Liên tăng 4.2% lên 667 CNY/tấn, là phiên tăng giá thứ 8 liên tiếp và lấy lại gần hết những gì đã mất từ đầu năm đến nay. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn giao tháng 5 tăng 2.1% lên 3,460 CNY (493.38 USD)/tấn; thép cuộn cán nóng tăng 1.5% lên 3,455 CNY/tấn.

• Giá thép trên thị trường Trung Quốc tăng trong phiên vừa qua do dự đoán Bắc Kinh sẽ đưa ra nhiều biện pháp kích thích kinh tế và điều đó sẽ đẩy tăng nhu cầu nguyên vật liệu sản xuất và xây dựng. Ngân hàng trung ương Trung Quốc đã hạ lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế. Một số trung tâm sản xuất của nước này bắt đầu nói lỏng những quy định về sự lưu thông của người và các phương tiện, trong khi nhiều doanh nghiệp trở lại sản xuất sau nhiều tuần tạm dừng. Số ca nhiễm virus corona mới liên tiếp giảm trong mấy ngày gần đây cũng góp phần đẩy giá sắt thép tăng lên.

Giá cao su

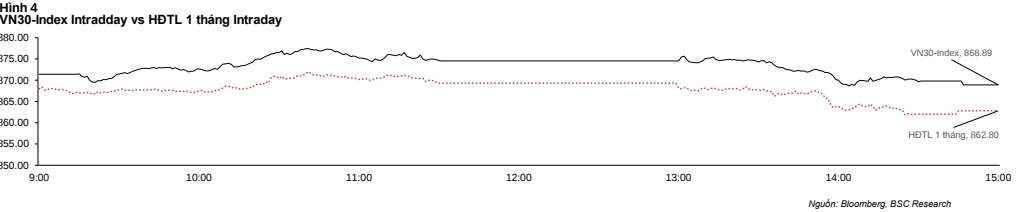
• Giá cao su kỳ hạn tháng 7 trên sàn giao dịch Tokyo (TOCOM) tăng 0.2 JPY lên 186.6 JPY/kg. Giá cao su trên sàn giao dịch Thượng Hải kỳ hạn tháng 5 tăng 0.5% lên 11,700 CNY/tấn.

Giá nông sản

• Đường thô kỳ hạn tháng 3 giảm 0.18 US cent (tương đương 1.2%) xuống 15.4 US cent/lb. Đường trắng giao tháng 5 giảm 2.3 USD (0.55%) xuống 419.7 USD/tấn. Giá đường giảm trong phiên vừa qua, một phần do đồng real yếu đi. Giá dầu tăng khiến các nhà máy xử lý mía của Brazil chuyển hướng sang tăng cường sản xuất ethanol sẽ ngăn giá đường giảm mạnh.

• Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 đóng cửa phiên này giảm 4.05 US cent (0.37%) xuống 1.0495 USD/lb. Cà phê Robusta giao cùng kỳ hạn cũng giảm 11 USD (0.85%) xuống 1,279 USD/tấn. Giá cà phê arabica giảm xuống mức thấp nhất 1 tuần do hoạt động bán tháo tiếp tục diễn ra và đồng real Brazil giảm xuống mức thấp kỷ lục so với USD.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2003	862.80	-0.85%	-6.09	349.0%	112375	3/19/2020	27
VN30F2004	861.00	n/a	-7.89	n/a	247	4/16/2020	55
VN30F2006	866.50	-0.79%	-2.39	-36.2%	90	6/18/2020	118
VN30F2009	865.10	-0.84%	-3.79	26.3%	96	9/17/2020	209

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -2.51 điểm xuống mức 868.89 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như BID, CTG, VHM, VCB, và TCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 tiếp tục biến động mạnh, giằng co quanh vùng 870-877 điểm. Thanh khoản giữ tại mức vừa phải, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh 860-870 điểm trong các phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2003 và VN30F2009 đang tăng, trái lại VN30F2004 và VN30F2006 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM1906	VND	3/5/2020	13	2:1	220,610	270.8%	1.0 triệu	19.87%	8,100	690	38.00%	60.40	11.42
CVIC1902	SSI	4/22/2020	61	1:1	20	-99.7%	1.0 triệu	16.12%	22,700	6,900	30.43%	1,310.60	5.26
CMSN1902	KIS	5/15/2020	84	3:1	640,670	165.6%	2.0 triệu	27.14%	1,640	220	22.22%	1.00	220.00
CVNM1903	SSI	4/22/2020	61	1:1	68,880	1378.1%	1.0 triệu	19.87%	26,600	5,200	17.38%	581.80	8.94
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	47	2:1	48,040	119.2%	2.0 triệu	24.72%	1,000	4,340	8.50%	4,311.90	1.01
CVPB1901	VND	3/5/2020	13	1:1	147,300	-35.5%	2.0 triệu	24.72%	3,500	10,870	3.82%	10,830.40	1.00
CVPB2001	HSC	6/22/2020	122	2:1	728,640	80.4%	5.0 triệu	24.72%	1,500	4,840	3.20%	4,559.50	1.06
CMWG2002	MBS	4/24/2020	63	3:1	245,970	-17.0%	2.0 triệu	23.44%	1,950	1,470	0.68%	770.20	1.91
CHDB2002	MBS	4/10/2020	49	2:1	191,310	144.8%	1.5 triệu	23.32%	1,950	1,870	0.00%	1,412.50	1.32
CSTB2001	KIS	6/19/2020	119	3:1	213,020	-4.4%	5.0 triệu	21.88%	1,500	1,660	-2.35%	817.70	2.03
CVJC1902	SSI	4/22/2020	61	1:1	38,020	531.6%	1.0 triệu	17.46%	27,900	10,100	-3.07%	3,483.40	2.90
CHPG1909	KIS	5/15/2020	84	2:1	186,980	-14.7%	5.0 triệu	26.55%	1,800	920	-3.16%	417.50	2.20
CHPG2003	MBS	5/4/2020	73	3:1	197,030	-49.2%	6.0 triệu	26.55%	1,570	980	-3.92%	9.90	98.99
CFPT1908	MBS	6/17/2020	117	3:1	243,270	35.7%	2.4 triệu	22.75%	3,150	2,230	-6.30%	1,197.80	1.86
CTCB1902	VND	6/5/2020	105	1:1	83,770	-17.7%	2.0 triệu	22.73%	5,300	3,560	-6.81%	2,655.50	1.34
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	63	5:1	242,040	-30.8%	2.0 triệu	21.60%	2,200	1,450	-9.94%	699.60	2.07
CMBB2001	HSC	6/22/2020	122	3:1	358,820	1764.0%	5.0 triệu	20.48%	1,600	1,350	-10.60%	638.10	2.12
CFPT1905	SSI	4/22/2020	61	1:1	90,830	347.2%	1.0 triệu	22.75%	9,900	3,770	-15.66%	2,094.50	1.80
CMBB1905	HSC	4/8/2020	47	3:1	435,390	219.4%	5.0 triệu	20.48%	1,700	470	-16.07%	64.10	7.33
CMBB1903	SSI	4/22/2020	61	1:1	193,120	229.3%	3.0 triệu	20.48%	4,000	1,300	-16.13%	448.30	2.90
CROS2001	KIS	6/19/2020	119	3:1	949,660	-30.1%	10.0 triệu	47.63%	1,500	130	-23.53%	-	
Tổng:					4,573,730		54.90 triệu	22.38%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đảo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/2/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao tăng.
- Về giá, CMBB1903 và CFPT1905 giảm mạnh -16.13% và -15.66%. Trái lại, CVIC1902 và CVNM1903 tăng mạnh lần lượt là 30.43% và 17.38%. Thanh khoản thị trường tăng 13.84%. CVPB2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.24% thị trường.

• Ngoài trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	108.50	1.97	1.58
MSN	53.00	3.72	1.21
VPB	28.80	0.88	0.58
EIB	17.30	0.58	0.14
BVH	58.50	1.74	0.09

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.1	-1.70	-1.24
MBB	21.2	-2.08	-0.86
FPT	54.7	-1.97	-0.81
CTG	25.9	-3.90	-0.48
HPG	23.6	-0.84	-0.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM1906	130,225	114,025	108,500
CVIC1902	137,700	115,000	109,900
CMSN1902	86,089	77,889	53,000
CVNM1903	145,580	118,980	108,500
CVPB2002	22,300	20,300	28,800
CVPB1901	21,500	18,000	28,800
CVPB2001	23,000	20,000	28,800
CMWG2002	129,500	110,000	110,600
CHDB2002	29,900	26,000	28,400
CSTB2001	12,499	10,999	11,300
CVJC1902	157,900	130,000	128,600
CHPG1909	28,280	24,680	23,550
CHPG2003	26,810	22,100	23,550
CFPT1908	63,450	54,000	54,700
CTCB1902	26,300	21,000	23,100
CPNJ2001	94,500	83,500	83,800
CMBB2001	24,200	21,000	21,200
CFPT1905	64,900	55,000	54,700
CMBB1905	26,400	23,000	21,200
CMBB1903	26,000	22,000	21,200
CROS2001	32,468	26,468	8,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.6	0.0%	0.8	2,179	4.4	8,655	12.8	4.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	83.8	-1.8%	1.1	820	2.5	5,327	15.7	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	58.5	1.7%	1.2	1,888	0.9	1,632	35.8	2.3	29.5%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	32.2	0.3%	0.8	324	0.2	2,859	11.3	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	109.9	-0.1%	0.9	16,162	1.5	2,268	48.5	4.9	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	30.7	-0.6%	1.1	3,033	0.9	1,253	24.5	2.6	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.0	-0.9%	0.8	2,276	0.6	3,563	15.2	2.4	6.6%	16.3%
REE	Bất động sản	35.0	-1.8%	1.0	472	0.8	5,286	6.6	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.7	2.4%	1.6	289	1.0	2,849	4.5	0.9	43.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.5	-0.9%	1.4	393	0.9	1,787	9.8	0.9	53.1%	9.9%
VCI	Chứng khoán	28.0	0.0%	1.0	200	0.2	4,218	6.6	1.1	35.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.9	-0.3%	1.8	250	0.7	1,421	13.3	1.3	55.1%	11.7%
FPT	Công nghệ	54.7	-2.0%	0.9	1,613	3.5	4,225	12.9	2.6	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	47.4	0.9%	0.4	513	0.1	4,156	11.4	2.9	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	85.4	0.1%	1.5	7,107	0.6	6,096	14.0	3.4	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	52.8	-0.8%	1.5	2,734	0.7	3,495	15.1	2.7	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	16.4	0.0%	1.5	341	1.0	1,529	10.7	0.7	20.6%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.7	-1.3%	0.8	1,038	0.4	1,163	6.6	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	96.8	0.3%	0.5	550	0.1	4,668	20.7	3.8	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.4	-2.0%	0.6	211	0.1	774	16.0	0.6	18.8%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.2	-0.8%	0.6	143	0.0	600	10.4	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	89.0	-0.6%	1.2	14,352	3.5	5,004	17.8	3.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	49.5	-3.5%	1.7	8,656	5.7	2,398	20.6	2.7	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	25.9	-3.9%	1.6	4,185	13.8	2,541	10.2	1.3	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	28.8	0.9%	1.2	3,052	6.0	3,370	8.5	1.7	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.2	-2.1%	1.1	2,163	8.2	3,480	6.1	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	25.7	-2.7%	1.2	1,851	7.2	3,686	7.0	1.5	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	44.5	0.5%	0.8	158	0.7	5,165	8.6	1.5	80.0%	17.2%
NTP	Nhựa	30.3	-2.3%	0.2	129	0.1	4,167	7.3	1.2	19.4%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	2.1%	1.1	632	0.0	732	20.1	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.6	-0.8%	1.1	2,827	4.6	2,581	9.1	1.4	38.6%	17.0%
HSG	Thép	8.2	-2.0%	1.8	150	1.1	1,161	7.0	0.6	18.1%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	108.5	2.0%	0.8	8,215	7.0	5,478	19.8	6.9	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	180.6	0.3%	0.8	5,035	0.4	7,477	24.2	6.2	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	53.0	3.7%	1.2	2,694	4.8	4,772	11.1	1.4	38.7%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	22.0	0.0%	0.4	561	2.6	508	43.3	1.8	6.5%	4.4%
ACV	Vận tải	60.0	0.0%	0.8	5,679	0.3	2,630	22.8	4.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	128.6	0.1%	1.1	2,929	2.1	7,889	16.3	4.4	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	26.9	-0.4%	1.7	1,659	0.8	1,640	16.4	2.1	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	19.9	-0.8%	0.9	256	0.2	1,595	12.4	1.0	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	13.2	-3.3%	0.6	162	0.4	2,421	5.5	0.8	31.5%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	72.9	-4.2%	1.1	507	0.5	8,824	8.3	3.4	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	1.9%	0.7	361	0.2	1,454	12.7	1.3	13.2%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.7	0.3%	0.9	244	0.0	1,953	7.5	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	66.9	-1.0%	0.9	222	0.5	8,858	7.6	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.8	0.0%	1.0	476	0.0	1,567	15.8	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	23.3	-0.9%	0.3	251	0.1	2,769	8.4	1.0	50.5%	12.9%
POW	Điện	10.8	-1.4%	0.6	1,095	0.8	1,064	10.1	0.9	13.0%	9.7%
NT2	Điện	20.3	-0.5%	0.5	254	0.2	2,577	7.9	1.4	18.7%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	108.50	1.97	1.06	1.48MLN
MSN	53.00	3.72	0.65	2.06MLN
BVH	58.50	1.74	0.22	369290.00
VPB	28.80	0.88	0.18	4.76MLN
SAB	180.60	0.33	0.11	45380.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIG	7.40	8.82	0.05	2.23MLN
VNR	20.00	6.38	0.02	300.00
NDN	16.10	3.21	0.02	361400.00
SHN	8.90	1.14	0.01	37600.00
NHA	12.70	4.96	0.01	65900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	0.00	-2.11	2.62MLN	1.11MLN
CTG	0.00	-1.14	12.05MLN	607060.00
VHM	0.00	-0.78	184170.00	373600.00
VCB	0.00	-0.54	898350.00	192700.00
TCB	0.00	-0.41	2.96MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.70	-2.65	-1.13	6.33MLN
VCS	72.90	-4.20	-0.10	160300.00
VIF	18.40	-9.80	-0.07	500.00
TVC	28.80	-4.64	-0.05	231800.00
CEO	8.50	-2.30	-0.03	410600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BRC	9.63	7.00	0.00	30.00
FRT	21.40	7.00	0.03	630030.00
SII	16.05	7.00	0.02	2410.00
TIX	26.75	7.00	0.02	90.00
TPC	9.64	6.99	0.00	40.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	1.00	11.1	0.00	20000.00
NAP	14.50	9.9	0.01	100.00
CKV	15.20	9.4	0.00	200.00
DXP	13.00	9.2	0.01	1100.00
PDC	6.10	8.9	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	9.58	-6.99	0.00	270.00
HU1	7.72	-6.99	0.00	10.00
HVG	7.06	-6.98	-0.04	83790.00
AMD	2.15	-6.93	-0.01	4.62MLN
TVB	19.00	-6.86	-0.02	75250.00

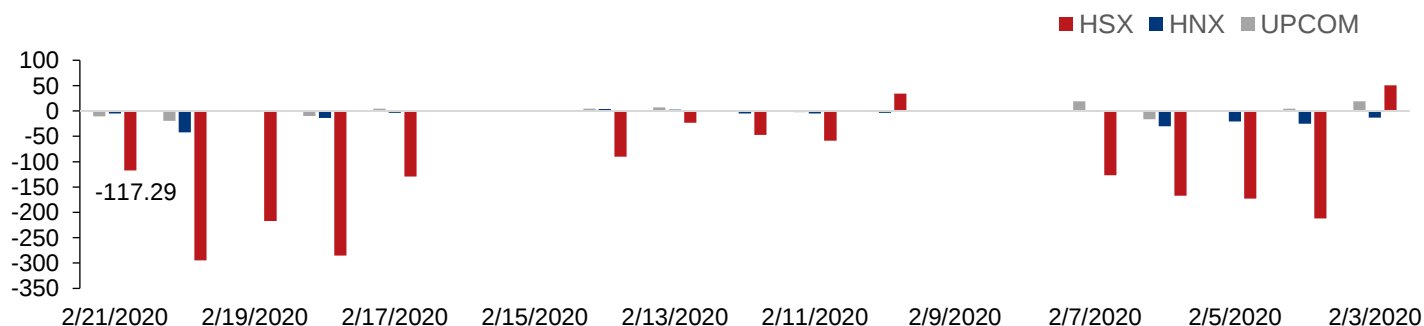
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.20	-33.33	0.00	81700.00
BII	0.70	-12.50	0.00	61300.00
CTC	3.60	-10.00	0.00	1600.00
NBW	27.90	-10.00	-0.01	100.00
CSC	34.30	-9.97	-0.02	93700.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
5	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
6	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
20	2019M2_Biến động giảng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	96.8	4,668	20.7	3.8	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.2	5,020	5.4	1.3	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	83.8	5,327	15.7	4.1	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.2	2,421	5.5	0.8	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	165.8	29,035	5.7	4.5	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.2	0	37.7	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	110.6	8,655	12.8	4.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	25.7	3,686	7.0	1.5	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	13.3	2,736	4.9	0.8	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.1	2,881	8.0	1.3	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.0	5,004	17.8	3.9	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	28.3	7,028	4.0	1.4	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	54.7	4,225	12.9	2.6	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	27.7	3,897	7.1	1.3	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	15.5	2,236	6.9	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	29.5	2,846	10.4	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	53.0	4,772	11.1	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	108.5	5,478	19.8	6.9	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.3	3,700	5.8	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền -> nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn